

BÁO CÁO VĨ MÔ

NỘI LỰC DUY TRÌ KHẢ QUAN
ĐỐI MẶT
RỦI RO ĐỊA CHÍNH TRỊ



NỘI DUNG CHI TIẾT

A. VÍ MÔ THẾ GIỚI

1. Mỹ
2. Trung Quốc
3. Châu Âu
4. Nhật bản

B. VÍ MÔ VIỆT NAM

1. GDP
2. Lạm phát
3. Tỷ giá
4. Lãi suất
5. Thương mại
6. Sản xuất
7. Đầu tư công – du lịch – Bán lẻ
8. FDI

A futuristic digital globe is the central focus, surrounded by various data visualization elements. The globe is rendered in a glowing blue and green color scheme, with a grid of latitude and longitude lines. It is set against a dark, cloudy sky. Several floating data charts are visible, including bar graphs, line graphs, and candlestick charts, all in a blue and white color palette. The globe is supported by a complex, multi-layered structure of glowing blue lines and circular patterns, resembling a high-tech interface or a futuristic cityscape. The overall aesthetic is clean, modern, and high-tech.

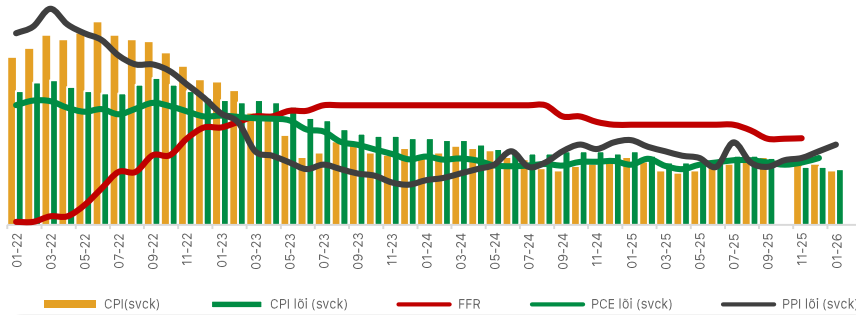
VĨ MÔ THẾ GIỚI

Kinh tế Mỹ — tăng trưởng ổn định, lạm phát hạ nhiệt nhưng rủi ro địa chính trị gia tăng



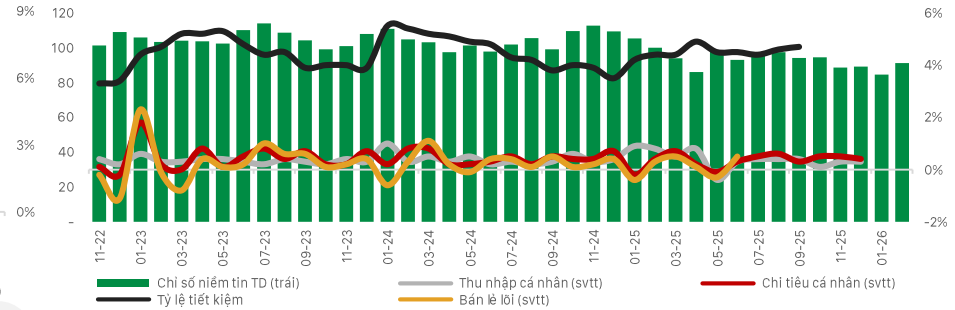
Bức tranh kinh tế Mỹ cho thấy trạng thái “tăng trưởng bền nhưng nhạy cảm với cú sốc bên ngoài”. Các yếu tố nội tại — đặc biệt đầu tư công nghệ, AI và năng suất lao động — đang giúp nền kinh tế duy trì mức tăng trưởng khá cao so với các nền kinh tế phát triển khác. Đồng thời, xu hướng giảm lạm phát tạo dư địa để Federal Reserve chuyển dần sang chu kỳ nới lỏng tiền tệ trong năm 2026, qua đó hỗ trợ hoạt động đầu tư và thị trường tài chính. Tuy nhiên, triển vọng trung hạn vẫn phụ thuộc vào hai biến số lớn: (1) khả năng duy trì sức chi tiêu của hộ gia đình trong bối cảnh chi phí năng lượng và lãi suất còn cao; và (2) các rủi ro địa chính trị có thể đẩy giá năng lượng và lạm phát quay trở lại. Nếu những rủi ro này được kiểm soát, kinh tế Mỹ nhiều khả năng duy trì tăng trưởng quanh 2–2,5 % trong 2026, tránh được suy thoái và tiếp tục đóng vai trò đầu tàu tăng trưởng của kinh tế toàn cầu.

Tăng trưởng kinh tế vẫn duy trì trên xu hướng nhờ đầu tư và công nghệ

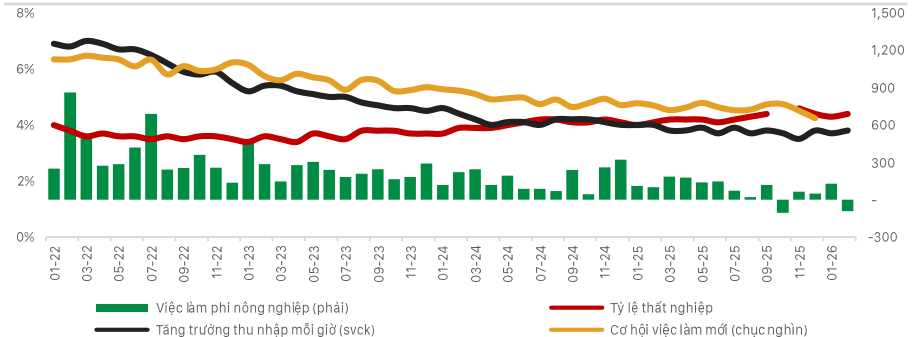


1. Tăng trưởng kinh tế vẫn duy trì trên xu hướng nhờ đầu tư và công nghệ. Các dự báo gần đây cho thấy kinh tế Mỹ tiếp tục duy trì tăng trưởng khoảng 2,4–2,6 % trong năm 2026, cao hơn nhiều nền kinh tế phát triển khác. Động lực chính đến từ đầu tư doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực AI, công nghệ và thiết bị, cùng với điều kiện tài chính tương đối thuận lợi. Biên bản của Federal Reserve cũng cho thấy các nhà hoạch định chính sách đánh giá tăng trưởng năm 2026 vẫn “solid”, nhờ đầu tư công nghệ và cải thiện năng suất lao động. **2. Lạm phát tiếp tục giảm dần, mở đường cho chu kỳ nới lỏng tiền tệ.** Nhiều tổ chức dự báo lạm phát lõi của Mỹ sẽ giảm dần về khoảng 2,6 % vào cuối năm 2026, nhờ chi phí nhà ở và chuỗi cung ứng ổn định hơn. Trong bối cảnh đó, thị trường và các tổ chức nghiên cứu kỳ vọng Fed có thể cắt giảm lãi suất khoảng 50 điểm cơ bản trong năm 2026, đưa lãi suất điều hành về vùng 3–3,25 %, nếu xu hướng giảm lạm phát tiếp tục. **3. Rủi ro mới từ địa chính trị và giá năng lượng.** Các diễn biến địa chính trị gần đây, đặc biệt xung đột ở Trung Đông, đang làm giá xăng tại Mỹ tăng mạnh (trên 3,5 USD/gallon) và tạo áp lực lên chi tiêu hộ gia đình. Nếu giá dầu vượt 90 USD/thùng trong thời gian dài, chi tiêu tiêu dùng và thị trường tài chính có thể bị ảnh hưởng, kéo giảm đà tăng trưởng kinh tế. Điều này làm cho triển vọng kinh tế Mỹ phụ thuộc nhiều hơn vào sức bền của tiêu dùng nội địa, vốn vẫn là động lực chính của GDP.

Lạm phát tiếp tục giảm dần, mở đường cho chu kỳ nới lỏng tiền tệ

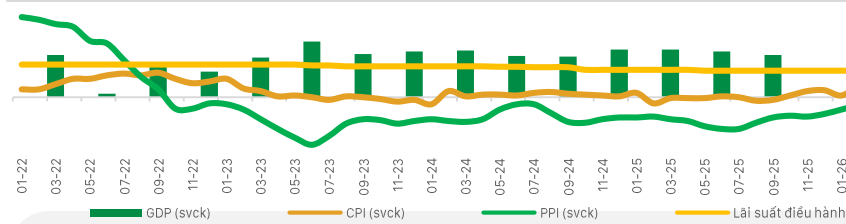


Rủi ro mới từ địa chính trị và giá năng lượng.



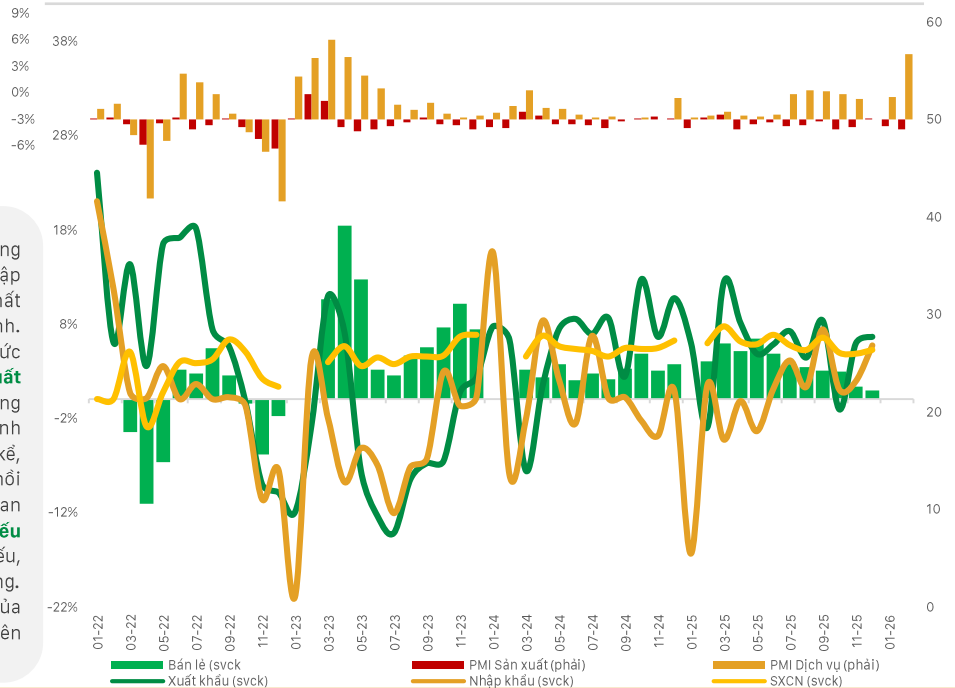
Kinh tế Trung Quốc thể hiện trạng thái “tăng trưởng chậm nhưng tái cấu trúc sâu”. Bắc Kinh chấp nhận mức tăng trưởng thấp hơn lịch sử (khoảng 4,5–5%) để đổi lấy sự ổn định tài chính, kiểm soát rủi ro bất động sản và thúc đẩy các ngành công nghệ chiến lược như AI, bán dẫn và năng lượng sạch. Trong ngắn hạn, xuất khẩu và sản xuất công nghiệp vẫn sẽ là trụ cột chính của GDP, đặc biệt nhờ nhu cầu toàn cầu đối với sản phẩm công nghệ và chuỗi cung ứng mới. Tuy nhiên, thách thức lớn nhất nằm ở nội lực kinh tế: tiêu dùng hộ gia đình yếu, thị trường bất động sản chưa phục hồi và xu hướng nhân khẩu học bất lợi. Nếu Trung Quốc không kích thích được tiêu dùng nội địa và cải thiện niềm tin của hộ gia đình, nền kinh tế có thể duy trì trạng thái tăng trưởng trung bình khoảng 4–4,5% trong nhiều năm tới — thấp hơn giai đoạn trước nhưng ổn định hơn. Tóm lại: Trung Quốc đang bước vào kỷ nguyên tăng trưởng chậm nhưng định hướng công nghệ và công nghiệp cao, trong đó thành công của chiến lược chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng dựa trên tiêu dùng và đổi mới sáng tạo sẽ quyết định triển vọng kinh tế của nước này trong thập kỷ tới.

Trung Quốc bước vào giai đoạn tăng trưởng chậm có chủ đích



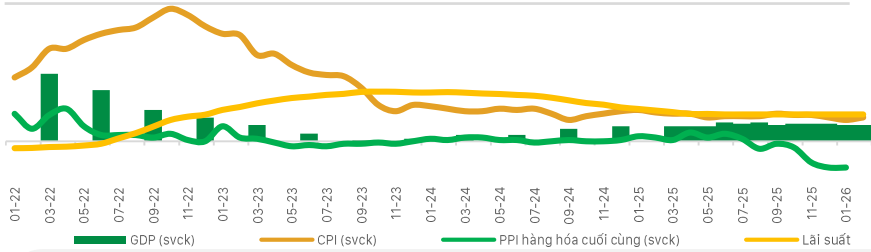
1. Trung Quốc bước vào giai đoạn tăng trưởng chậm có chủ đích. Tại kỳ họp Quốc hội đầu tháng 03/2026, Bắc Kinh đặt mục tiêu tăng trưởng GDP 2026 khoảng 4,5–5%, mức thấp nhất kể từ đầu thập niên 1990. Điều này phản ánh sự chuyển dịch chiến lược từ “tăng trưởng nhanh” sang phát triển chất lượng cao, trong bối cảnh bất động sản suy yếu, tiêu dùng yếu và môi trường toàn cầu bất định. Nhiều tổ chức quốc tế như IMF cũng dự báo tăng trưởng khoảng 4,5% trong năm 2026, thấp hơn mức 5% năm 2025 nhưng vẫn cho thấy nền kinh tế duy trì đà mở rộng ổn định. **2. Xuất khẩu và sản xuất tiếp tục là động lực chính.** Những tháng đầu năm 2026 ghi nhận bùng nổ xuất khẩu với mức tăng khoảng 21,8% trong giai đoạn tháng 1–2, nhờ nhu cầu mạnh đối với điện tử, bán dẫn và các ngành công nghệ mới như xe điện, pin và năng lượng mặt trời. Các chỉ số sản xuất cũng cải thiện đáng kể, với PMI sản xuất tháng 2 tăng mạnh nhất kể từ năm 2020, cho thấy hoạt động công nghiệp phục hồi nhờ đơn hàng mới và nhu cầu toàn cầu. Điều này khiến xuất khẩu tiếp tục đóng vai trò trụ cột quan trọng của tăng trưởng, đặc biệt khi nhu cầu trong nước chưa phục hồi hoàn toàn. **3. Tiêu dùng yếu và bất động sản vẫn là điểm nghẽn cấu trúc.** Bất chấp xuất khẩu mạnh, cầu nội địa vẫn khá yếu, phần lớn do khủng hoảng bất động sản kéo dài làm giảm tài sản hộ gia đình và niềm tin tiêu dùng. Giá nhà tại nhiều khu vực đã giảm mạnh so với đỉnh năm 2021, ảnh hưởng đến chi tiêu và đầu tư của người dân. Ngoài ra, các yếu tố dài hạn như tỷ lệ sinh thấp, dân số già hóa và thất nghiệp thanh niên cao cũng làm suy giảm động lực tiêu dùng và thay đổi hành vi chi tiêu của thế hệ trẻ.

Xuất khẩu và sản xuất tiếp tục là động lực chính



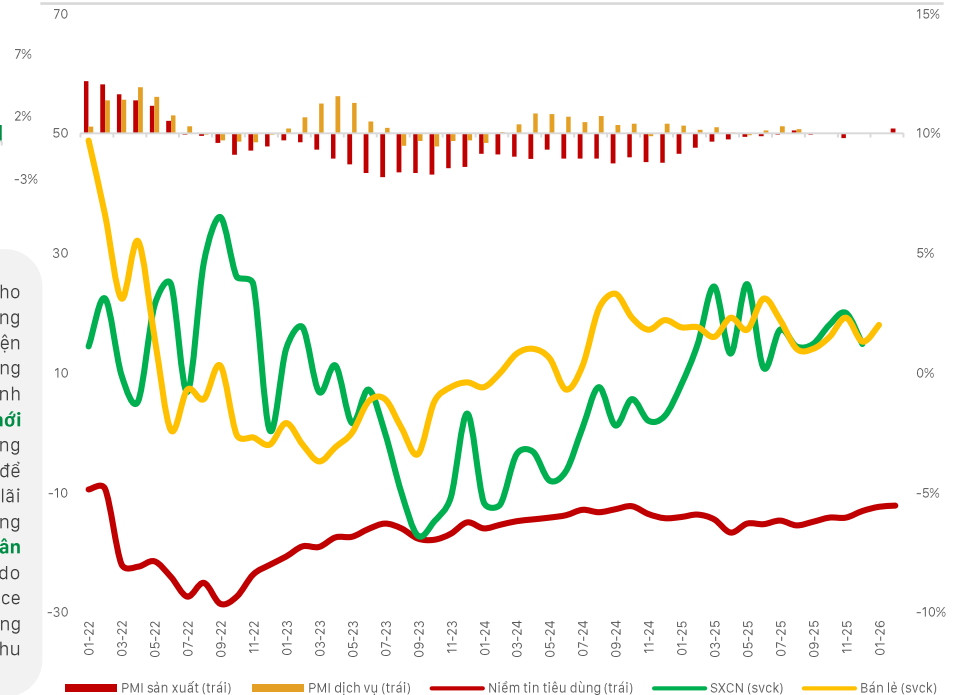
Kinh tế châu Âu thể hiện trạng thái “ổn định nhưng thiếu động lực bứt phá”. Việc lạm phát giảm về gần mục tiêu đã giúp môi trường tài chính bớt căng thẳng và mở ra khả năng nới lỏng chính sách tiền tệ, nhưng điều này không đủ để nhanh chóng khôi phục tốc độ tăng trưởng cao. Những thách thức cấu trúc — bao gồm năng suất thấp, dân số già hóa và sự phụ thuộc lớn vào thương mại toàn cầu — tiếp tục hạn chế tiềm năng tăng trưởng của khu vực. Trong trung hạn, triển vọng của châu Âu phụ thuộc vào khả năng tăng đầu tư công nghệ, chuyển đổi năng lượng và củng cố thị trường nội khối để tạo ra nguồn tăng trưởng mới. Nếu các chính sách kích thích đầu tư và cải thiện năng suất được triển khai hiệu quả, khu vực có thể duy trì tăng trưởng ổn định quanh 1–1,5% trong giai đoạn 2026–2027. Tuy nhiên, nếu cấu nội địa và đầu tư tư nhân không cải thiện đáng kể, châu Âu có nguy cơ tiếp tục rơi vào trạng thái tăng trưởng thấp kéo dài so với các trung tâm kinh tế lớn khác trên thế giới.

Tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức thấp nhưng ổn định



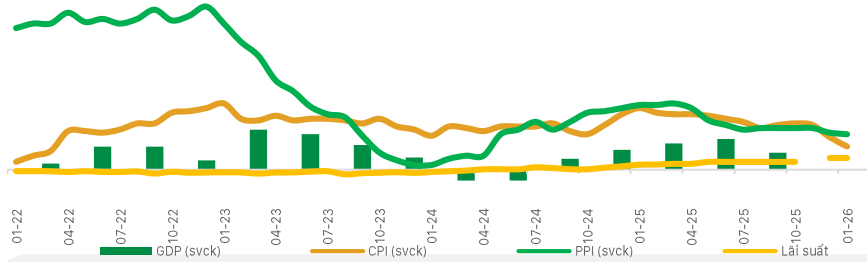
1. Tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức thấp nhưng ổn định. Các báo cáo kinh tế đầu năm 2026 cho thấy khu vực đồng euro duy trì tăng trưởng GDP khoảng 1,2–1,5% trong năm 2026, phản ánh trạng thái phục hồi chậm sau giai đoạn thắt chặt tiền tệ kéo dài. Hoạt động sản xuất có dấu hiệu cải thiện nhẹ nhờ đơn hàng xuất khẩu tăng, trong khi dịch vụ vẫn là khu vực đóng góp lớn nhất cho tăng trưởng. Tuy nhiên, tốc độ mở rộng vẫn thấp so với Mỹ và nhiều nền kinh tế châu Á, cho thấy nền kinh tế châu Âu đang trong giai đoạn tăng trưởng thận trọng. **2. Lạm phát giảm rõ rệt, mở ra chu kỳ mới lòng tin tiền tệ.** Lạm phát khu vực euro đã giảm đáng kể so với giai đoạn 2022–2023 và hiện dao động quanh 2% hoặc thấp hơn, gần với mục tiêu của European Central Bank. Điều này tạo điều kiện để ngân hàng trung ương chuyển dần sang chính sách hỗ trợ tăng trưởng, với kỳ vọng thị trường rằng lãi suất có thể tiếp tục được điều chỉnh giảm trong năm 2026. Lạm phát giảm chủ yếu nhờ giá năng lượng ổn định hơn và chuỗi cung ứng toàn cầu bình thường hóa. **3. Nội lực kinh tế còn yếu và phân hóa giữa các quốc gia.** Dù môi trường lạm phát thuận lợi hơn, cầu nội địa của châu Âu vẫn khá yếu do niềm tin tiêu dùng thấp và tăng trưởng thu nhập chậm. Các nền kinh tế lớn như Germany và France đang phục hồi chậm, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng. Đồng thời, sự phân hóa trong nội khối tiếp tục rõ rệt khi một số nền kinh tế Nam Âu hưởng lợi từ du lịch và dịch vụ, trong khi khu vực công nghiệp ở Trung Âu vẫn đối mặt với nhu cầu toàn cầu yếu.

Nội lực kinh tế còn yếu và phân hóa giữa các quốc gia.



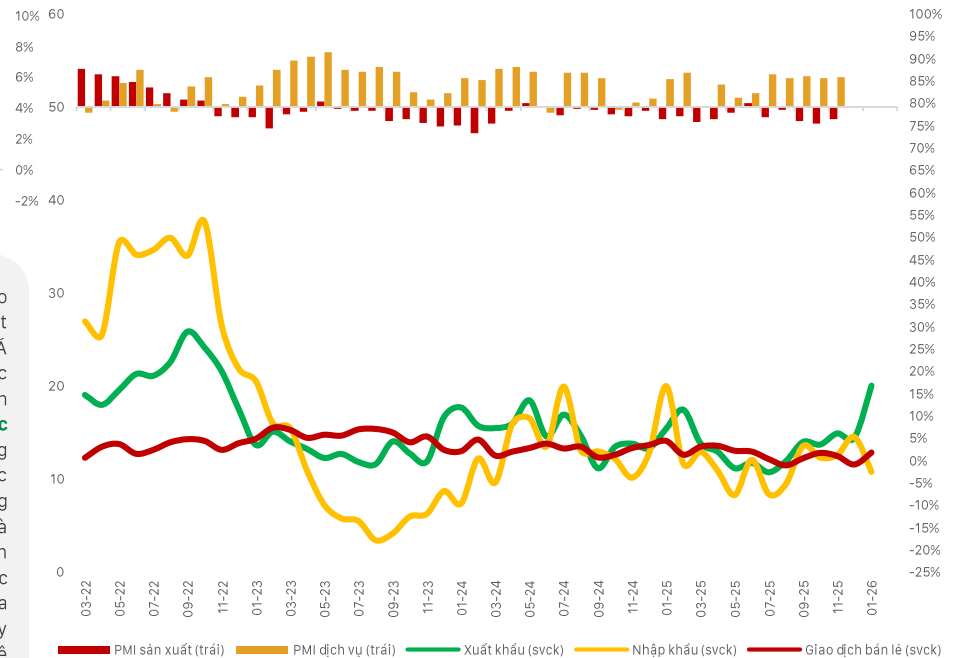
Nền kinh tế Nhật Bản cho thấy trạng thái phục hồi ổn định nhưng phụ thuộc vào các động lực bên ngoài. Sản xuất và xuất khẩu vẫn là trụ cột quan trọng của tăng trưởng, trong khi tiêu dùng nội địa và nhân khẩu học tiếp tục hạn chế tốc độ mở rộng của nền kinh tế. Quá trình bình thường hóa chính sách của Bank of Japan đánh dấu bước chuyển lớn sau nhiều năm duy trì lãi suất cực thấp, nhưng việc điều chỉnh sẽ diễn ra rất thận trọng để tránh gây sốc cho thị trường tài chính và doanh nghiệp. Trong trung hạn, triển vọng tăng trưởng của Nhật Bản phụ thuộc vào khả năng tăng năng suất thông qua công nghệ, tự động hóa và đầu tư vào các ngành chiến lược như bán dẫn, AI và năng lượng sạch. Nếu những chiến lược này được triển khai hiệu quả, nền kinh tế có thể duy trì tăng trưởng ổn định khoảng 1–1,5% mỗi năm, đồng thời cải thiện sức cạnh tranh toàn cầu. Tuy nhiên, nếu tiêu dùng nội địa không được cải thiện và áp lực nhân khẩu học tiếp tục gia tăng, Nhật Bản có thể vẫn duy trì mô hình tăng trưởng thấp nhưng ổn định trong phần còn lại của thập kỷ.

Lạm phát ổn định quanh mục tiêu và chính sách tiền tệ bước vào giai đoạn bình thường hóa



1. Sản xuất và xuất khẩu tiếp tục là động lực tăng trưởng chính. Những báo cáo kinh tế gần đây cho thấy sản xuất công nghiệp và xuất khẩu của Japan tiếp tục phục hồi trong đầu năm 2026, đặc biệt trong các ngành công nghệ cao như bán dẫn, thiết bị điện tử và ô tô. Nhu cầu từ các thị trường châu Á và Mỹ giúp đơn hàng mới tăng, qua đó hỗ trợ tăng trưởng GDP trong bối cảnh tiêu dùng nội địa phục hồi chậm. Các chỉ số PMI sản xuất duy trì trên ngưỡng mở rộng, cho thấy khu vực công nghiệp vẫn đóng vai trò trụ cột của nền kinh tế. **2. Lạm phát ổn định quanh mục tiêu và chính sách tiền tệ bước vào giai đoạn bình thường hóa.** Lạm phát tại Nhật Bản duy trì gần mức 2%, phản ánh sự cân bằng giữa chi phí nhập khẩu giảm và giá dịch vụ trong nước tăng. Trong bối cảnh đó, Bank of Japan tiếp tục quá trình rút dần các chính sách tiền tệ siêu nới lỏng đã kéo dài nhiều năm. Tuy nhiên, ngân hàng trung ương vẫn thận trọng trong việc tăng lãi suất mạnh để tránh làm suy yếu đà phục hồi kinh tế và tiêu dùng. **3. Thách thức dài hạn từ tiêu dùng yếu và nhân khẩu học.** Mặc dù nền kinh tế ổn định hơn so với giai đoạn trước, cấu trúc nội địa tại Nhật Bản vẫn tương đối yếu do tăng trưởng tiền lương thực tế chưa đủ mạnh và tâm lý tiết kiệm của hộ gia đình. Ngoài ra, các yếu tố cấu trúc như dân số già hóa nhanh và lực lượng lao động thu hẹp tiếp tục gây áp lực lên tiềm năng tăng trưởng dài hạn. Điều này khiến chính phủ tập trung vào các chính sách thúc đẩy năng suất, chuyển đổi số và đầu tư công nghệ cao.

Sản xuất và xuất khẩu tiếp tục là động lực tăng trưởng chính



An aerial night view of a city skyline, likely Ho Chi Minh City, Vietnam. The scene is dominated by a dense cluster of modern skyscrapers and buildings, many of which are illuminated with warm yellow and white lights. A prominent feature is a tall, dark building in the center-right that is brightly lit with the colors of the Vietnamese flag (red field with a large yellow five-pointed star). To the left, a river flows through the city, with a bridge and several boats visible. The sky is a mix of deep blue and soft orange, suggesting a sunset or twilight. A green banner with white text is overlaid on the left side of the image.

VĨ MÔ VIỆT NAM

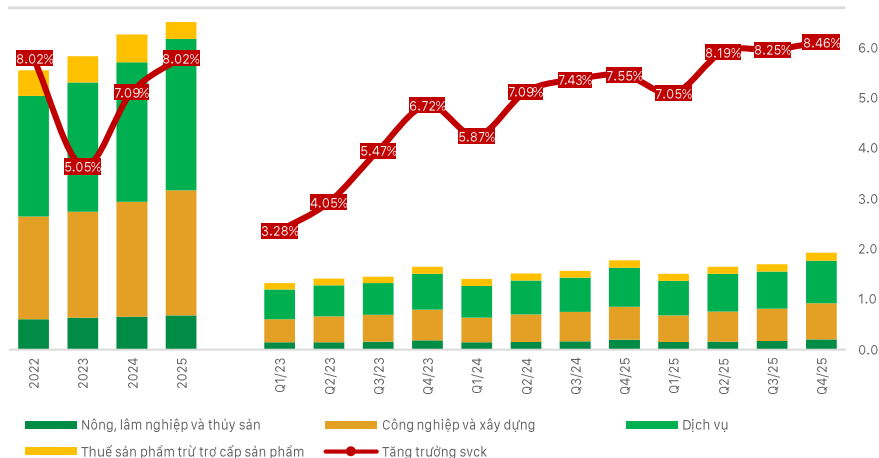
TĂNG TRƯỞNG GDP VIỆT NAM TRONG NĂM 2025 TẠO NỀN TẢNG CHO TRIỂN VỌNG MỞ RỘNG KINH TẾ NĂM 2026



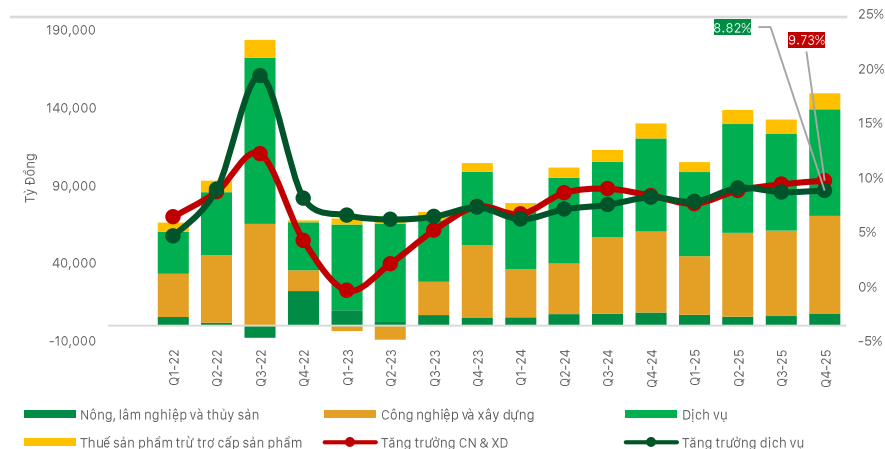
Năm 2025 nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng mạnh: GDP ước tăng 8,02% so với năm trước, riêng quý IV tăng 8,46% — mức quý IV cao nhất trong giai đoạn 2011–2025. 01-Loi-van-quy-IV-va-nam-2025-1 01-Loi-van-quy-IV-va-nam-2025-1 Động lực chính đến từ khu vực công nghiệp - xây dựng (tăng 8,95%, đóng góp khoảng 43,6% vào tăng trưởng) và khu vực dịch vụ (tăng 8,62%, đóng góp khoảng 51,1%), trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo và phục hồi du lịch, dịch vụ tiêu dùng đóng vai trò nổi bật; khu vực nông-lâm-thủy sản chỉ tăng nhẹ (khoảng 3,8%). Về quy mô, GDP danh nghĩa ước đạt 12.847,6 nghìn tỷ đồng (~514 tỷ USD) và GDP bình quân đầu người đạt khoảng 5.026 USD, cho thấy cả quy mô và năng suất lao động (tăng ~6,8%) đều được cải thiện — biểu hiện của tăng trưởng đồng đều giữa sản xuất, xuất khẩu và tiêu dùng nội địa.

➢ Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu chậm lại, với tăng trưởng GDP thế giới dự báo chỉ khoảng 2,6–2,7% vào 2026 dưới tác động của căng thẳng thương mại và chính sách thuế quan, triển vọng này có thể tác động tới cầu và dòng vốn FDI vào Việt Nam. Đồng thời, ngân hàng trung ương Việt Nam đã điều chỉnh chính sách tín dụng thận trọng, hạ mục tiêu tăng trưởng tín dụng để kiểm soát rủi ro tài chính và bất động sản nóng sốt — điều này có thể làm giảm bớt động lực tăng trưởng ngắn hạn nhưng hỗ trợ ổn định vĩ mô. Tuy nhiên, Chính phủ Việt Nam đã xác định rõ các mục tiêu lớn cho phát triển kinh tế — xã hội, đặc biệt là GDP và các chỉ số vĩ mô trọng yếu trong năm 2026 và giai đoạn tới: Mục tiêu tăng trưởng GDP 2026 phấn đấu đạt 10% — mức rất cao so với nhiều năm gần đây, thể hiện tham vọng tái tạo “bước nhảy” trong tăng trưởng sau giai đoạn 2021-2025. Chính phủ đặt mục tiêu GDP bình quân đầu người đạt khoảng US\$5.400–5.500 vào cuối năm 2026, nâng cao mức sống trung bình. Mục tiêu đặt ra cho giai đoạn 2026–2030 là GDP phải tăng ít nhất 10% mỗi năm, tạo nền tảng cho phát triển bền vững và đưa Việt Nam vào nhóm các nền kinh tế năng động trong khu vực. Các mục tiêu khác trong kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn này còn bao gồm tăng năng suất lao động, nâng cao trình độ lao động, giảm nghèo, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế số, xanh, bền vững (theo các văn kiện chỉ đạo vĩ mô, cơ sở cho các mục tiêu chi tiết).

Tăng trưởng GDP tiếp tục ghi nhận mức tích cực hướng tới mục tiêu đề ra



Cả 2 khu vực công nghiệp xây dựng và dịch vụ đều ghi nhận mức tăng trưởng cao



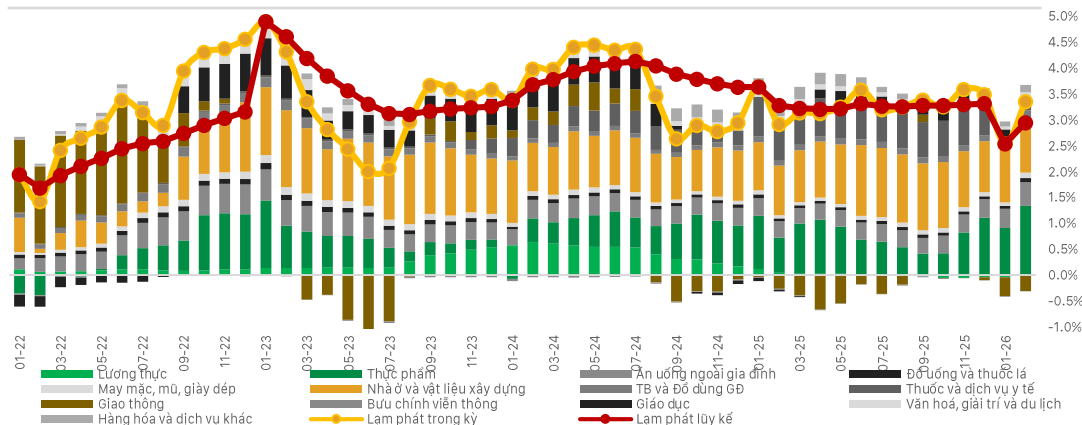
Các yếu tố mùa vụ (Tết), chi phí nhân công/vật liệu và điều chỉnh giá quản lý (ví dụ giá điện của EVN) là những thành tố tác động đáng kể đến CPI ngắn hạn. CPI tháng 02/2026 tăng mạnh theo mùa Tết: tăng 1,14% so với tháng trước và 3,35% so với cùng kỳ năm trước, khiến bình quân 2 tháng đầu năm tăng 2,94%. Lĩnh vực đóng góp chính cho đà tăng là hàng ăn và dịch vụ ăn uống (thịt lợn, lương thực, ăn ngoài gia đình), cùng với nhà ở — điện — nước — vật liệu xây dựng; lạm phát cơ bản ở mức cao hơn CPI chung (lạm phát cơ bản 2 tháng đầu năm tăng ~3,47%), cho thấy áp lực giá nội tại đã hiện hữu. Ở chiều ngược lại, nhóm giao thông có ảnh hưởng giảm trong 2 tháng do biến động giá xăng dầu theo chu kỳ, và giá vàng/khuyến mại hàng điện tử cũng tác động tới một số nhóm hàng.

Ở phía nguồn cung năng lượng, thị trường dầu thô toàn cầu đang có rủi ro địa chính trị và biến động mạnh: các tổ chức phân tích và cơ quan năng lượng dự báo giá dầu có khả năng neo cao trong ngắn hạn do gián đoạn nguồn cung.

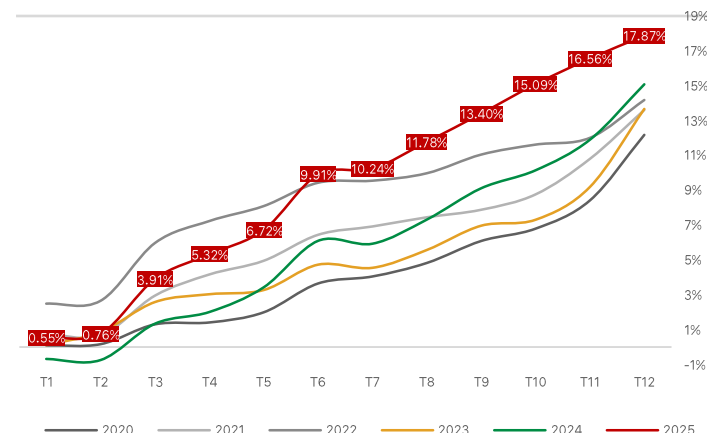
Với cơ chế điều chỉnh giá xăng dầu trong nước (giá bán lẻ được cập nhật theo chu kỳ và theo diễn biến giá thế giới), một đợt giá dầu thế giới tăng kéo dài sẽ nhanh chóng dịch chuyển thành tăng giá xăng, vận tải và chi phí logistics, từ đó đẩy CPI lạm phát chung lên — tạo rủi ro làm mục tiêu lạm phát 2026 tăng so với kịch bản cơ bản. Dự báo CPI bình quân 2026 ở khoảng 3.2%–4.5% chủ yếu liên quan tới kịch bản giá năng lượng cao kéo dài hoặc loạn động nguồn cung; trong khi kịch bản thuận lợi (giá dầu giảm và chính sách tiền tệ phối hợp hiệu quả) có thể giữ CPI quanh ~3–3.5%.

➤ **Nếu giá dầu thế giới giảm trở lại trong nửa cuối 2026 thì áp lực từ năng lượng lên CPI sẽ yếu đi và CPI cả năm có thể ở vùng thấp-mức trung (khoảng 3–3.5%); ngược lại, nếu rủi ro địa chính trị khiến giá dầu neo cao trong nhiều tháng thì CPI cả năm có thể bị đẩy lên vùng 4% trở lên.** Các yếu tố nội tại (lạm phát cơ bản cao, tăng giá nhà thuê, giá thực phẩm nhạy cảm mùa vụ) làm tăng khả năng "lan truyền" từ năng lượng sang CPI chung, nên theo dõi chặt công bố điều chỉnh giá xăng dầu trong nước và các cập nhật dự báo dầu thô quốc tế (EIA / IEA / các ngân hàng đầu tư) để điều chỉnh kịch bản dự báo.

Lạm phát 2 tháng đầu năm vẫn chưa có nhiều dấu hiệu áp lực trước khi có tác động từ xung đột địa chính trị.

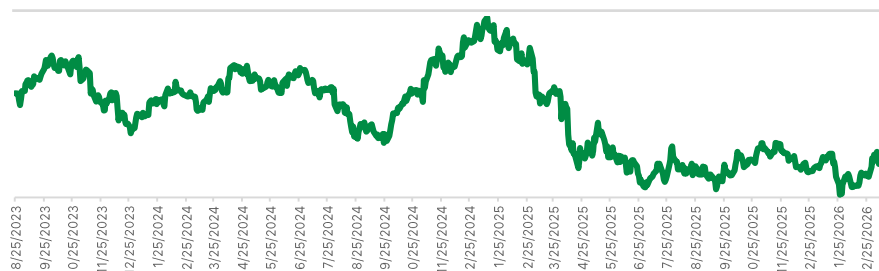


Tăng trưởng tín dụng trong năm 2026 vẫn đặt ở mức tương đối cao.



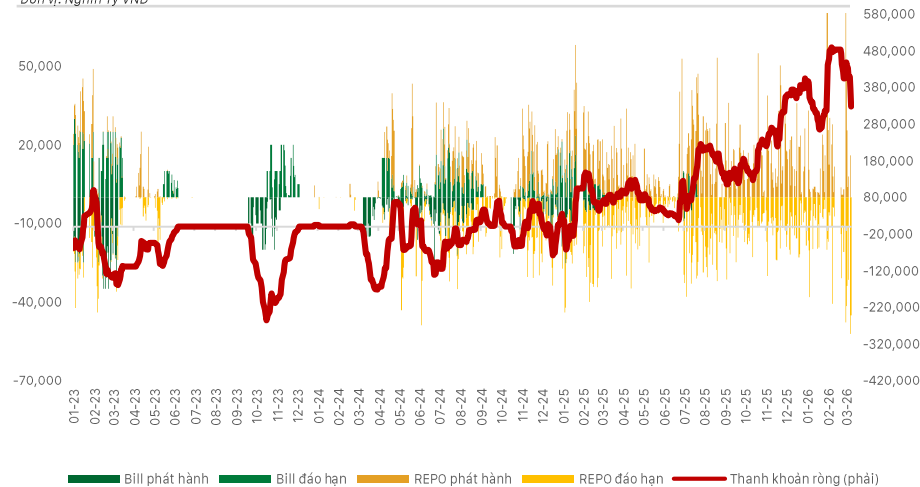
NHNN duy trì bơm thanh khoản – ưu tiên ổn định lãi suất. Trong bối cảnh thanh khoản hệ thống tiếp tục được hỗ trợ, NHNN tiếp tục điều tiết thị trường tiền tệ thông qua nghiệp vụ thị trường mở nhằm giữ mặt bằng lãi suất liên ngân hàng ở mức thấp. Việc bơm ròng OMO trong nhiều thời điểm cho thấy định hướng của cơ quan điều hành là duy trì điều kiện tiền tệ thuận lợi để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, đồng thời hạn chế biến động quá lớn của lãi suất trong hệ thống. Tuy nhiên, việc duy trì thanh khoản dồi dào cũng cần được cân nhắc trong bối cảnh áp lực tỷ giá vẫn tiềm ẩn. Do đó, NHNN nhiều khả năng sẽ tiếp tục áp dụng chiến lược điều hành linh hoạt, kết hợp giữa điều tiết thanh khoản và can thiệp ngoại hối khi cần thiết nhằm đảm bảo ổn định thị trường tiền tệ. **DXY hạ nhiệt – áp lực tỷ giá tạm thời suy giảm.** Chỉ số DXY đã giảm từ vùng đỉnh trước đó và hiện dao động quanh vùng thấp hơn do thị trường điều chỉnh kỳ vọng về chính sách tiền tệ của Fed. Dữ liệu kinh tế Mỹ gần đây cho thấy tăng trưởng và thị trường lao động có dấu hiệu chậm lại, làm gia tăng kỳ vọng về khả năng Fed cắt giảm lãi suất trong thời gian tới. Đối với Việt Nam, tỷ giá USD/VND sau giai đoạn tăng mạnh đã có xu hướng ổn định trở lại. Trên thị trường liên ngân hàng, tỷ giá duy trì quanh vùng cao nhưng biến động thu hẹp, trong khi chênh lệch giữa thị trường ngân hàng và thị trường tự do không quá lớn. Điều này phản ánh cung – cầu ngoại tệ nhìn chung vẫn tương đối cân bằng nhờ nguồn cung ngoại tệ từ xuất khẩu, FDI và kiều hối tiếp tục duy trì tích cực. **Rủi ro từ giá dầu và yếu tố địa chính trị vẫn cần theo dõi.** Trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông. Giá dầu tăng mạnh có thể làm gia tăng chi phí nhập khẩu năng lượng và gây áp lực lên lạm phát trong nước, đồng thời ảnh hưởng đến cán cân thương mại và kỳ vọng tỷ giá. Trong trường hợp giá dầu duy trì ở mức cao trong thời gian dài, áp lực lên USD/VND có thể quay trở lại do nhu cầu ngoại tệ cho nhập khẩu năng lượng tăng lên. Vì vậy, diễn biến của thị trường năng lượng toàn cầu sẽ là một biến số quan trọng cần theo dõi trong thời gian tới.

DXY hạ nhiệt từ đỉnh

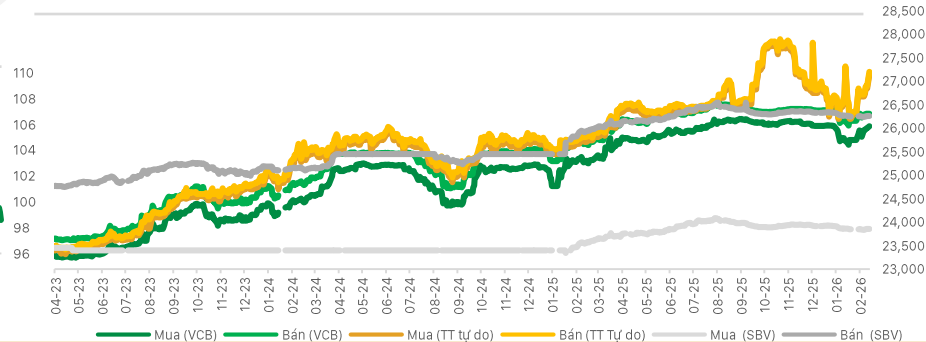


NHNN duy trì kiểm soát điều hành thanh khoản nhằm hỗ trợ lãi suất

Đơn vị: Nghìn Tỷ VND

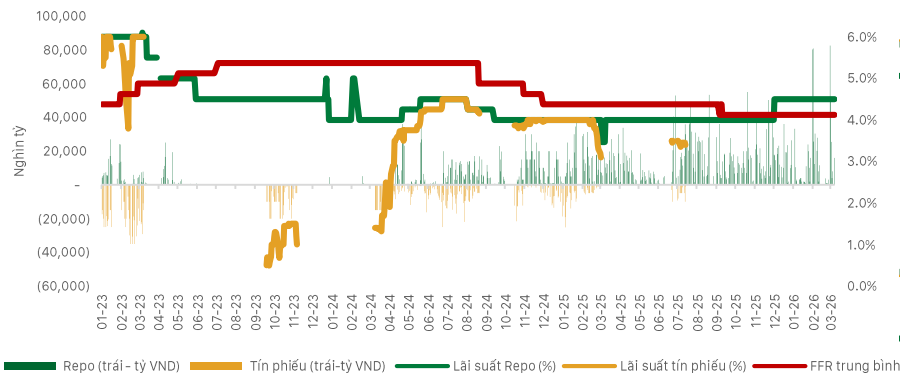


USD/VND giảm bớt áp lực. Đơn vị: VND/USD

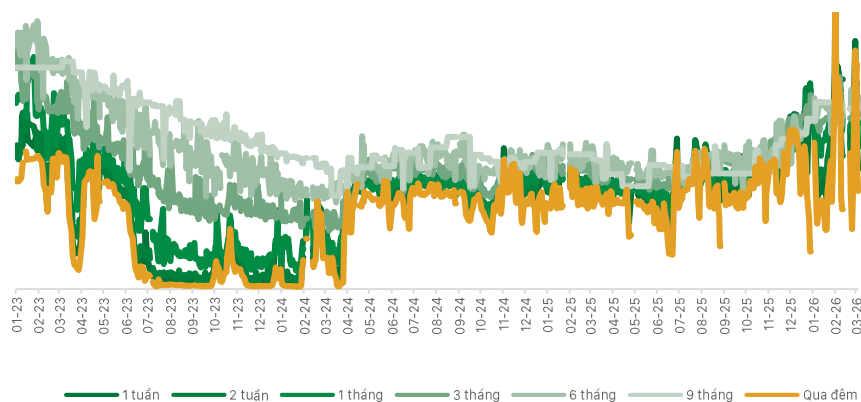


LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG BIẾN ĐỘNG MẠNH – NHNN TÍCH CỰC KIỂM SOÁT QUA THỊ TRƯỜNG MỞ

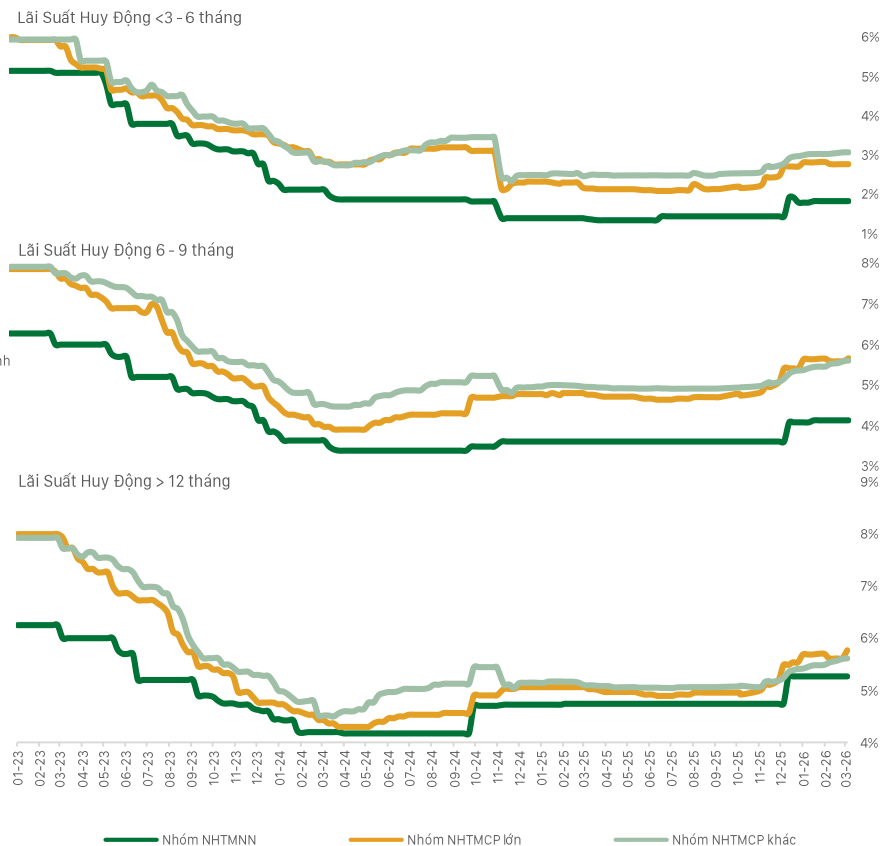
NHNN tiếp tục bơm thanh khoản bằng công cụ REPO



Lãi suất liên ngân hàng biến động mạnh nhưng đã được kiểm soát



Mặt bằng lãi suất huy động có tăng nhẹ nhưng vẫn duy trì ở mức thấp.



CÂN CÂN THƯƠNG MẠI 2026 ĐƯỢC KỶ VỌNG CẢI THIẾN KHI XUẤT KHẨU PHỤC HỒI TRONG CÁC QUÝ TỚI.

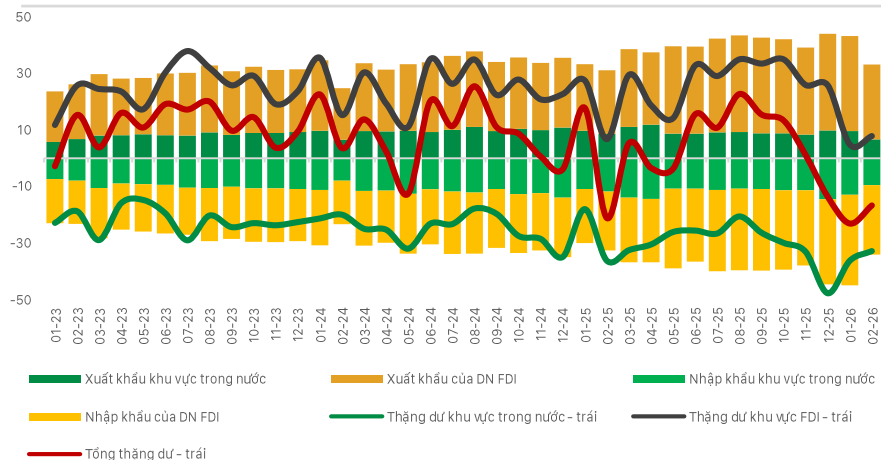


Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong hai tháng đầu năm 2026 đạt khoảng 155,7 tỷ USD, tăng 22,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, xuất khẩu đạt 76,36 tỷ USD (tăng 18,3%), còn nhập khẩu đạt 79,34 tỷ USD (tăng 26,3%), khiến cán cân thương mại hàng hóa chuyển sang nhập siêu khoảng 2,98 tỷ USD. Cơ cấu xuất khẩu tiếp tục tập trung chủ yếu vào nhóm hàng công nghiệp chế biến với tỷ trọng gần 90% tổng kim ngạch, phản ánh vai trò dẫn dắt của khu vực sản xuất và chuỗi cung ứng toàn cầu. Đáng chú ý, khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) tiếp tục chiếm tỷ trọng áp đảo trong xuất khẩu (khoảng 79%), trong khi khu vực kinh tế trong nước vẫn chiếm tỷ trọng thấp hơn và ghi nhận mức giảm so với cùng kỳ. Ở chiều nhập khẩu, mức tăng mạnh chủ yếu đến từ khu vực FDI, cho thấy nhu cầu nhập khẩu máy móc, linh kiện và nguyên vật liệu phục vụ sản xuất đang gia tăng trong bối cảnh hoạt động sản xuất – xuất khẩu phục hồi. Nhìn chung, trạng thái nhập siêu trong giai đoạn đầu năm phần nào phản ánh chu kỳ nhập khẩu đầu vào cho sản xuất và có thể đảo chiều trong các tháng tiếp theo khi đơn hàng xuất khẩu tăng mạnh hơn trong năm.

Triển vọng cán cân thương mại của Việt Nam trong năm 2026 được đánh giá tương đối tích cực nhờ nền tảng xuất khẩu vẫn duy trì đà tăng và dòng vốn FDI tiếp tục mở rộng sản xuất. Dữ liệu đầu năm cho thấy hoạt động thương mại vẫn tăng trưởng mạnh khi tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hai tháng đầu năm đạt khoảng 155,7 tỷ USD, tăng 22,2% so với cùng kỳ, phản ánh nhu cầu thương mại và sản xuất vẫn đang phục hồi. Tuy nhiên, nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu trong giai đoạn đầu năm – chủ yếu do nhu cầu nhập khẩu máy móc, linh kiện và nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, cho thấy hoạt động sản xuất công nghiệp đang mở rộng và có thể tạo động lực cho xuất khẩu trong các quý tiếp theo. Về trung hạn, nhiều tổ chức quốc tế dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2026 vẫn được hỗ trợ bởi xuất khẩu và dòng vốn FDI, trong đó khu vực sản xuất xuất khẩu tiếp tục đóng vai trò động lực chính. Tuy vậy, triển vọng thương mại cũng đối mặt với một số rủi ro bên ngoài như căng thẳng thương mại, biến động giá năng lượng hoặc các biện pháp thuế quan từ các đối tác lớn có thể ảnh hưởng đến nhu cầu hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

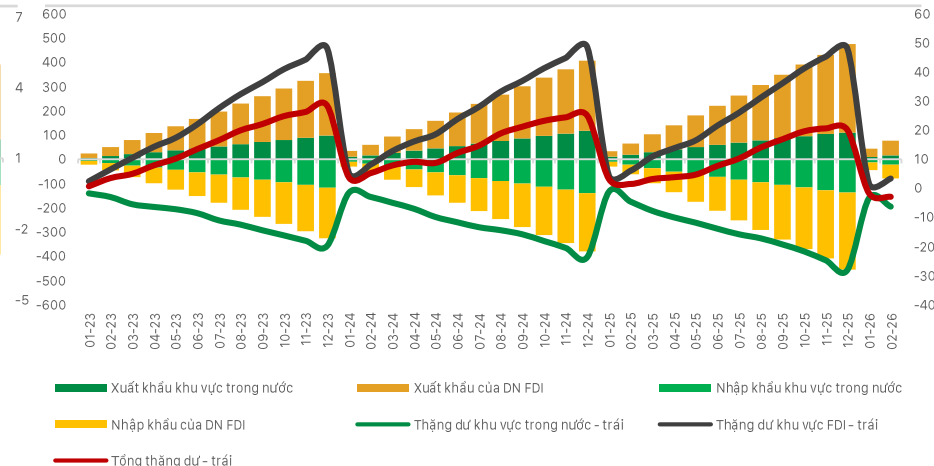
Cán cân thương mại hàng hóa của Việt Nam ghi nhận nhập siêu trong 2 tháng đầu năm.

Đơn vị: tỷ USD



Điểm then chốt là cấu trúc cán cân thương mại vẫn phụ thuộc mạnh vào khu vực FDI.

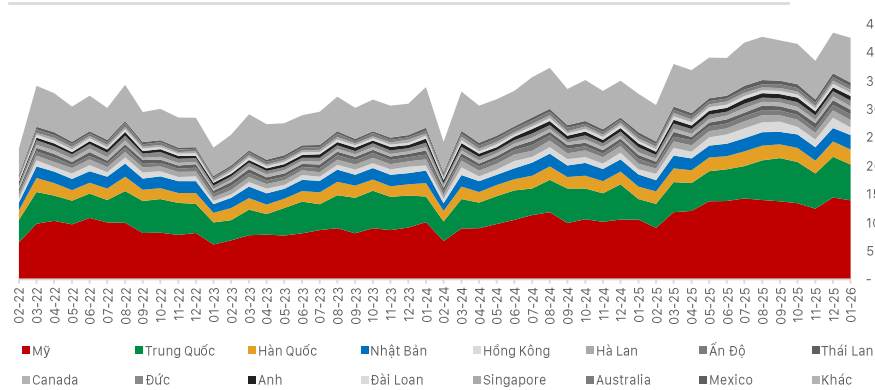
Đơn vị: tỷ USD



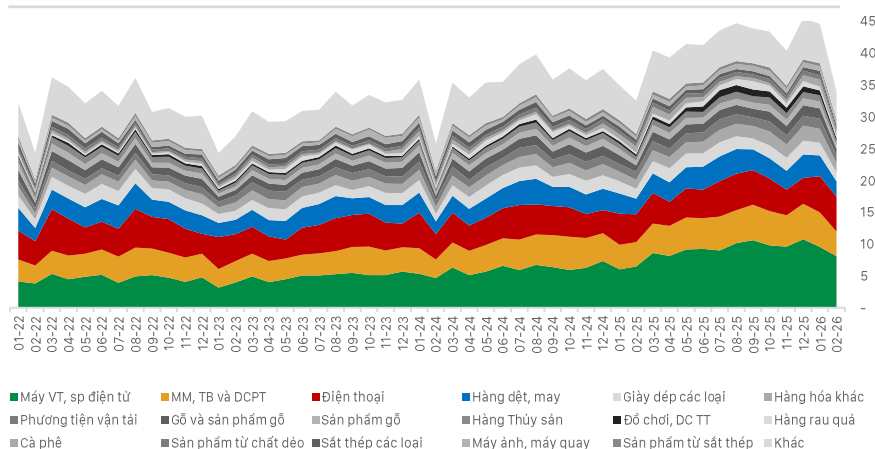
CẦN ĐỔI MỚI CƠ CẤU HÀNG HÓA - NÂNG CAO GIÁ TRỊ GIA TĂNG - TĂNG CƯỜNG KHAI THÁC CÁC FTA



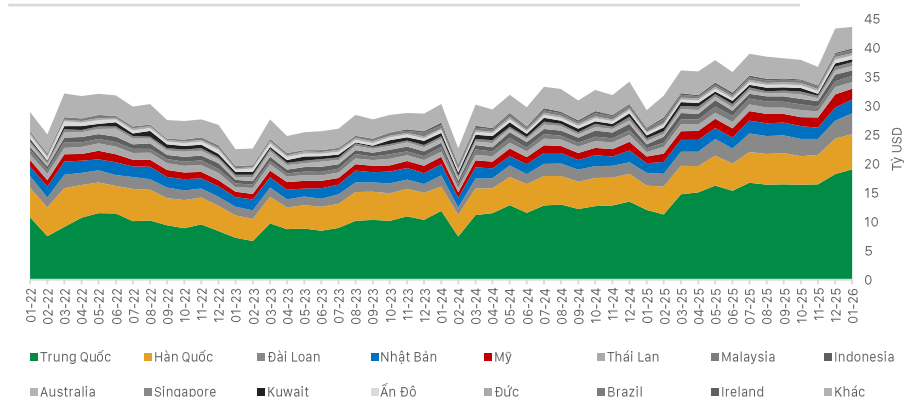
Xuất khẩu tập trung thị trường lớn như Mỹ, EU, Nhật Bản



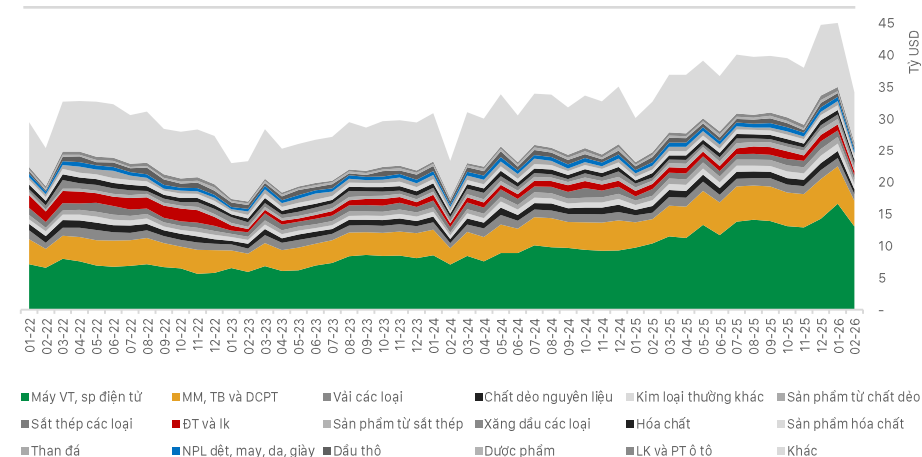
Xuất khẩu chủ yếu là máy móc, thiết bị và hàng điện tử



Nhập khẩu chủ yếu Trung Quốc, Hàn Quốc, ASEAN



Nhập khẩu chủ yếu là máy móc, thiết bị điện tử



SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP 2026 KỶ VỌNG DUY TRÌ ĐÀ PHỤC HỒI NHỜ ĐƠN HÀNG VÀ FDI CẢI THIỆN.



(PMI) ngành sản xuất Việt Nam tăng lên 54,3 điểm trong tháng 2/2026, từ mức 52,5 điểm của tháng 1, đánh dấu mức cao nhất trong bốn tháng và tiếp tục duy trì trên ngưỡng 50 điểm – ngưỡng cho thấy sự mở rộng của hoạt động sản xuất. Kết quả này phản ánh sự cải thiện rõ rệt trong điều kiện kinh doanh của khu vực sản xuất khi sản lượng tăng nhanh với tốc độ cao nhất trong khoảng 18–19 tháng, nhờ nhu cầu khách hàng cải thiện và doanh nghiệp đẩy mạnh chuẩn bị hàng hóa cho các đơn hàng sắp giao. Sự gia tăng của đơn hàng mới cũng thúc đẩy các doanh nghiệp mở rộng tuyển dụng và tăng hoạt động mua nguyên vật liệu, qua đó kéo dài chuỗi phục hồi của ngành sản xuất lên khoảng 8 tháng liên tiếp. Tuy nhiên, áp lực chi phí đầu vào gia tăng, chủ yếu do chi phí nguyên liệu và vận chuyển cao hơn, khiến chi phí sản xuất tăng nhanh nhất kể từ giữa năm 2022. Dù vậy, niềm tin kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất vẫn cải thiện mạnh, đạt mức cao trong nhiều năm gần đây, cho thấy kỳ vọng tích cực đối với triển vọng sản xuất trong thời gian tới.

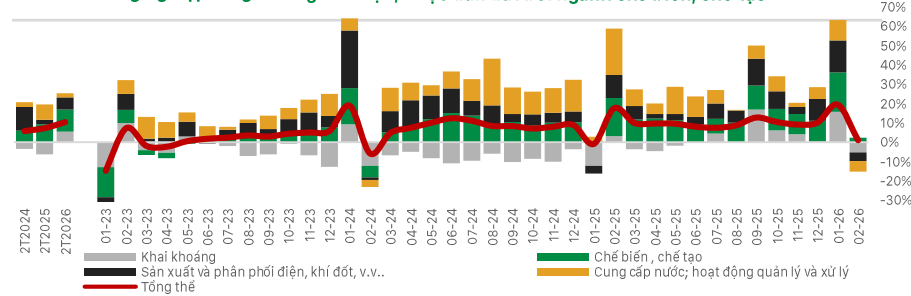
Hoạt động sản xuất công nghiệp của Việt Nam tiếp tục duy trì xu hướng phục hồi tích cực. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trong hai tháng đầu năm 2026 tăng so với cùng kỳ năm trước, cho thấy sự cải thiện của hoạt động sản xuất trong bối cảnh nhu cầu thị trường dần phục hồi. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo – khu vực chiếm tỷ trọng lớn trong toàn ngành công nghiệp – khi nhiều nhóm sản phẩm chủ lực như điện tử, máy móc thiết bị và dệt may ghi nhận mức tăng trưởng khá. Bên cạnh đó, một số ngành công nghiệp khai khoáng và sản xuất – phân phối điện cũng có mức tăng nhất định, góp phần hỗ trợ đà tăng chung của toàn ngành. Tuy nhiên, tốc độ phục hồi giữa các ngành vẫn có sự phân hóa do phụ thuộc vào nhu cầu xuất khẩu và chu kỳ đơn hàng từ các thị trường lớn. Nhìn chung, diễn biến tích cực của chỉ số IIP trong giai đoạn đầu năm cho thấy khu vực sản xuất công nghiệp đang dần lấy lại đà tăng trưởng, đồng thời tạo nền tảng cho hoạt động xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế trong các quý tiếp theo.

Triển vọng sản xuất công nghiệp Việt Nam trong năm 2026 được đánh giá tích cực nhờ các tín hiệu phục hồi rõ rệt từ đầu năm. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trong hai tháng đầu năm ghi nhận mức tăng khá so với cùng kỳ, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục đóng vai trò động lực chính, phản ánh sự phục hồi của hoạt động sản xuất và chuỗi cung ứng. Đồng thời, chỉ số PMI đã tăng lên 54,3 điểm trong tháng 2/2026, mức cao nhất trong bốn tháng và duy trì trên ngưỡng 50 điểm trong nhiều tháng liên tiếp, cho thấy điều kiện kinh doanh của khu vực sản xuất tiếp tục mở rộng. Diễn biến này phản ánh sự cải thiện của đơn hàng mới, sản lượng và hoạt động mua nguyên vật liệu của doanh nghiệp. Về trung hạn, nhiều tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới và Quỹ Tiền tệ quốc tế nhận định khu vực sản xuất – xuất khẩu vẫn sẽ là động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2026 nhờ nhu cầu toàn cầu dần phục hồi và dòng vốn FDI tiếp tục mở rộng trong lĩnh vực công nghiệp chế biến. Tuy vậy, triển vọng của ngành vẫn phụ thuộc vào diễn biến thương mại toàn cầu, chi phí đầu vào và giá năng lượng, vốn có thể ảnh hưởng đến chi phí sản xuất và biên lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong kịch bản cơ sở, sản xuất công nghiệp được kỳ vọng duy trì đà phục hồi trong năm 2026, qua đó tiếp tục đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế và hoạt động xuất khẩu của Việt Nam.

PMI duy trì trên ngưỡng 50 cho thấy hoạt động sản xuất tiếp tục mở rộng

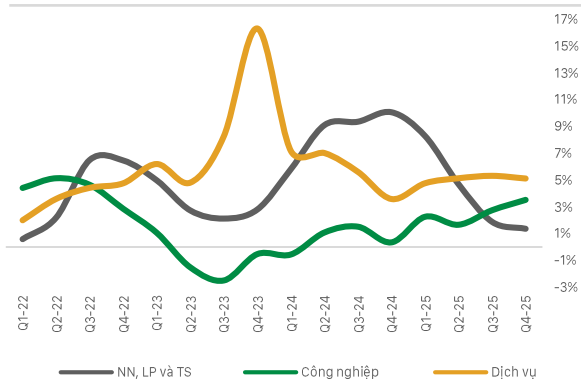


Sản xuất công nghiệp tăng trưởng tích cực, được dẫn dắt bởi ngành chế biến, chế tạo

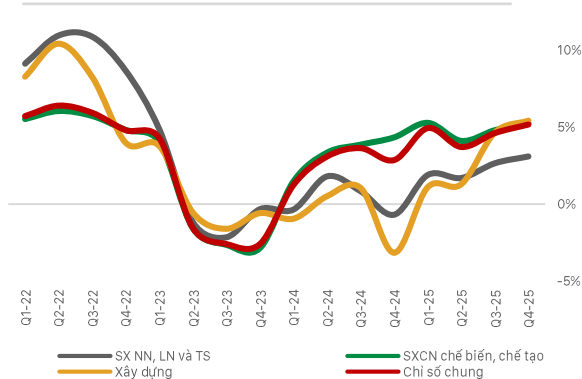


ĐÀ PHỤC HỒI SẢN XUẤT – TIÊU DÙNG ĐỐI MẶT RỦI RO CHI PHÍ ĐẦU VÀO TĂNG

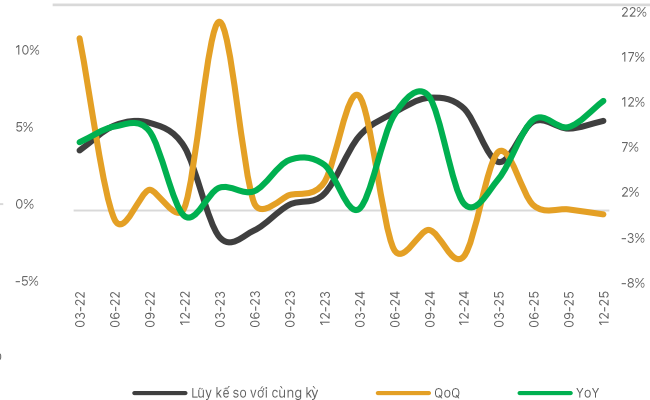
Giá sản xuất tăng vừa phải, chủ yếu do công nghiệp và dịch vụ.



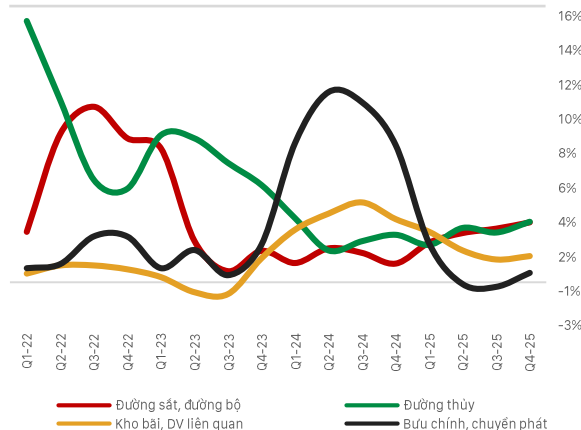
Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu dùng cho sản xuất



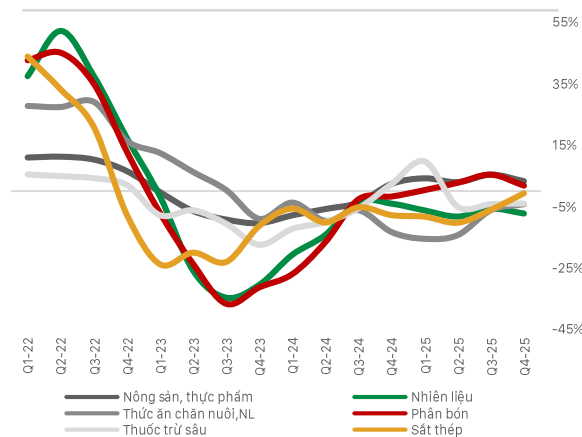
Chỉ số tiêu thụ vẫn tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng tốt



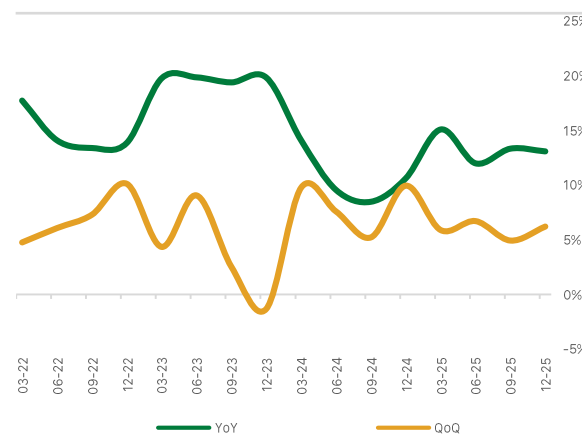
Giá vận tải tăng cục bộ;



Giá nhập khẩu: nhiên liệu vẫn là nguồn rủi ro chính.



Hàng tồn kho vẫn ghi nhận tăng trưởng



DU LỊCH PHỤC HỒI, TIÊU DÙNG CẢI THIỆN VÀ ĐẦU TƯ CÔNG TIẾP TỤC LÀ ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG.

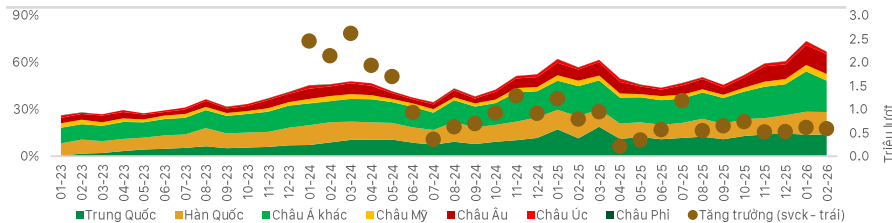


Hoạt động du lịch tiếp tục duy trì xu hướng phục hồi tích cực trong những tháng đầu năm 2026. Lượng khách quốc tế đến Việt Nam tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước nhờ nhu cầu du lịch toàn cầu phục hồi, chính sách visa được nới lỏng và các hoạt động xúc tiến du lịch được đẩy mạnh. Bên cạnh đó, du lịch nội địa vẫn giữ vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ ngành dịch vụ, đặc biệt trong các dịp lễ và mùa cao điểm đầu năm. Sự gia tăng của lượng khách du lịch không chỉ đóng góp trực tiếp vào doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và vận tải mà còn tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực sang nhiều ngành dịch vụ khác, qua đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng khu vực dịch vụ trong nền kinh tế.

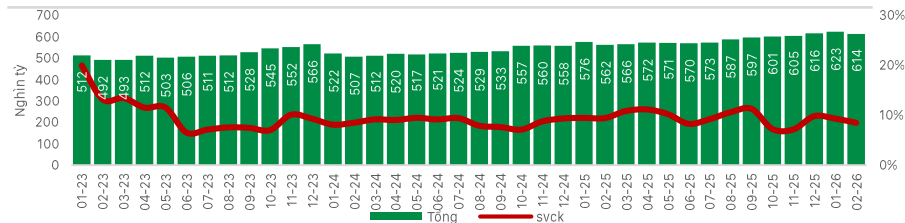
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tiếp tục ghi nhận mức tăng khá trong hai tháng đầu năm 2026, phản ánh nhu cầu tiêu dùng trong nước đang dần phục hồi. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ nhóm hàng hóa thiết yếu, dịch vụ lưu trú – ăn uống và du lịch, đặc biệt trong bối cảnh các hoạt động kinh tế – xã hội diễn ra sôi động hơn sau giai đoạn đầu năm. Bên cạnh đó, sự cải thiện của thị trường lao động và thu nhập của người dân cũng góp phần hỗ trợ sức mua trong nền kinh tế. Tuy nhiên, xu hướng tiêu dùng vẫn có sự phân hóa giữa các nhóm hàng, trong đó người tiêu dùng có xu hướng ưu tiên các mặt hàng thiết yếu và dịch vụ trải nghiệm.

Giải ngân vốn đầu tư công trong hai tháng đầu năm 2026 tiếp tục được Chính phủ đẩy mạnh nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng. Nguồn vốn ngân sách nhà nước tập trung vào các dự án hạ tầng giao thông, năng lượng và các công trình trọng điểm quốc gia, qua đó góp phần cải thiện năng lực sản xuất và kết nối kinh tế giữa các vùng. Việc tăng tốc giải ngân đầu tư công không chỉ tạo động lực trực tiếp cho tăng trưởng kinh tế mà còn kích thích hoạt động của các ngành liên quan như xây dựng, vật liệu và logistics. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều biến động, đầu tư công tiếp tục được kỳ vọng đóng vai trò là một trong những động lực quan trọng giúp duy trì đà tăng trưởng kinh tế trong năm 2026.

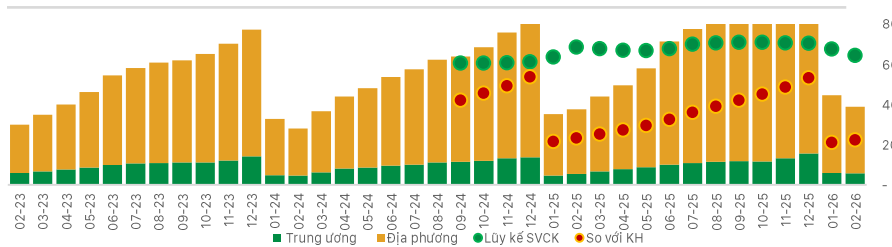
Du lịch phục hồi mạnh, khách quốc tế tăng ổn định và đa dạng thị trường.



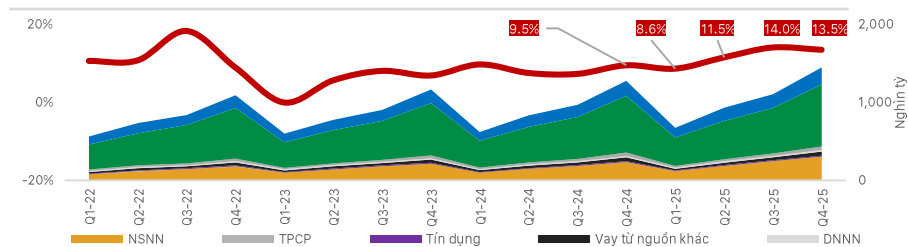
Sức cầu nội địa duy trì ổn định, tiêu dùng tiếp tục là trụ đỡ tăng trưởng.



Giải ngân đầu tư công tăng tốc, tạo động lực lan tỏa cho xây dựng và sản xuất.



Vốn đầu tư toàn xã hội phục hồi, khu vực tư nhân và FDI dẫn dắt tăng trưởng.



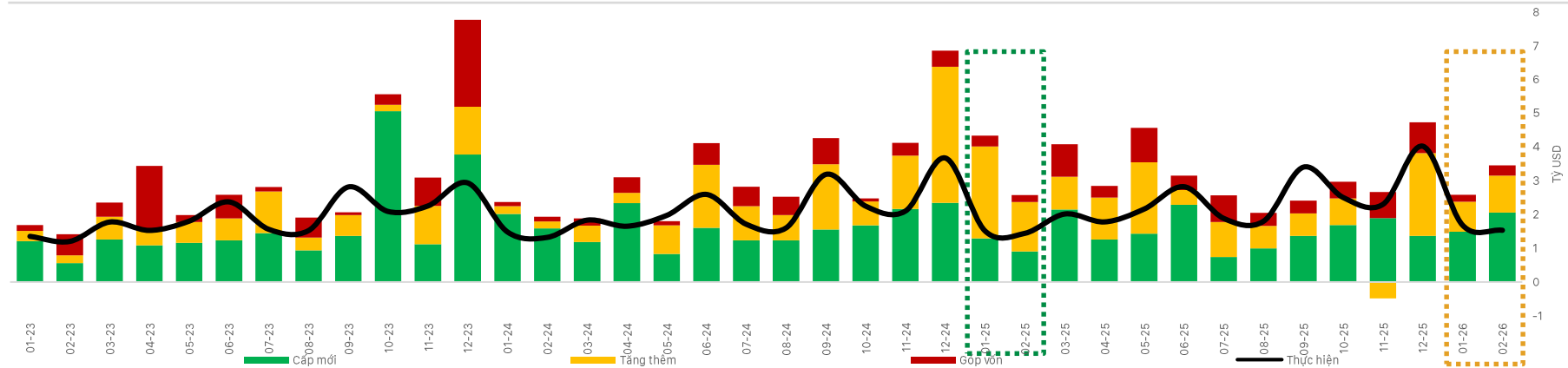
FDI NĂM 2026 ĐƯỢC KỶ VỌNG DUY TRÌ ỔN ĐỊNH NHỜ LỢI THẾ CHUỖI CUNG ỨNG VÀ FTA.



Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đăng ký vào Việt Nam trong hai tháng đầu năm 2026 tiếp tục tăng so với cùng kỳ, cho thấy môi trường đầu tư của Việt Nam vẫn duy trì sức hấp dẫn đối với nhà đầu tư quốc tế. Dòng vốn FDI tập trung chủ yếu vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, qua đó tiếp tục củng cố vai trò của Việt Nam trong chuỗi cung ứng sản xuất khu vực và toàn cầu. Bên cạnh đó, vốn FDI thực hiện cũng duy trì mức tăng, phản ánh tiến độ triển khai dự án và niềm tin của nhà đầu tư đối với triển vọng kinh tế Việt Nam trong trung và dài hạn. Sự gia tăng của dòng vốn FDI không chỉ góp phần mở rộng năng lực sản xuất và thúc đẩy xuất khẩu mà còn tạo hiệu ứng lan tỏa sang các lĩnh vực liên quan như xây dựng, logistics và dịch vụ hỗ trợ. Trong bối cảnh cạnh tranh thu hút đầu tư trong khu vực ngày càng gia tăng, việc duy trì dòng vốn FDI ổn định sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng công nghiệp và chuyên dịch cơ cấu kinh tế của Việt Nam.

Triển vọng dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam trong năm 2026 được đánh giá tích cực nhờ nền tảng thu hút đầu tư ổn định và vị thế ngày càng quan trọng của Việt Nam trong chuỗi cung ứng khu vực. Dữ liệu trong tài liệu cho thấy FDI đăng ký và giải ngân trong giai đoạn đầu năm vẫn duy trì xu hướng tăng, phản ánh niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài đối với môi trường kinh doanh và triển vọng kinh tế của Việt Nam. Trên thực tế, năm 2025 Việt Nam ghi nhận vốn FDI giải ngân khoảng 27,6 tỷ USD – mức cao nhất trong 5 năm, cho thấy dòng vốn đầu tư vào sản xuất vẫn tiếp tục mở rộng. Đồng thời, các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới nhận định dòng vốn FDI vào Việt Nam có thể duy trì ổn định quanh mức khoảng 25 tỷ USD giải ngân mỗi năm, nhờ lợi thế về chi phí sản xuất cạnh tranh, mạng lưới hiệp định thương mại tự do và môi trường kinh tế vĩ mô ổn định. Bên cạnh đó, nhiều dự án FDI mới tiếp tục tập trung vào công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghệ cao và các ngành kinh tế xanh, cho thấy xu hướng chuyển dịch sang các lĩnh vực có giá trị gia tăng cao. Trong bối cảnh thương mại toàn cầu dần phục hồi và dòng vốn dịch chuyển khỏi một số trung tâm sản xuất truyền thống, Việt Nam được kỳ vọng tiếp tục là điểm đến hấp dẫn của nhà đầu tư quốc tế, qua đó duy trì vai trò quan trọng của FDI trong việc thúc đẩy tăng trưởng công nghiệp, xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế trong năm 2026.

Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tiếp tục duy trì sức hút mạnh mẽ. Vốn thực hiện đạt mức cao nhất năm tháng trong 5 năm qua .





THANK YOU